TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày: 06-6-2023
"V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Xuân Cúc.
2. Bà Nguyễn Thị Thuỷ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc "tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1942.
Người đại diện theo uỷ quyền của bà A: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1963.
Cùng địa chỉ: Số 196 Tỉnh lộ 830, Tổ 1, ấp Trung, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.
2. Bị đơn: Ông Mã Quốc B, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Số 24 ấp Bắc, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1. Bà Mã Thị Lệ C, sinh năm 1965.
Địa chỉ: Số 1070 ấp Hòa Thuận 1, xã K, huyện L, tỉnh Kiên Giang.
3.2. Bà Mã Thị Thu C, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Số 196 Tỉnh lộ 830, ấp Trung, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.
3.3. Bà Mã Thị Thu D, sinh năm 1975.
Nơi đăng ký thường trú: Ấp Trung, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.
Trú tại: Zweibru Chenwstr 291301-Forchheim- Deutschland, Cộng hòa Liên bang Đức.
Người đại diện theo uỷ quyền của bà D: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 196 Tỉnh lộ 830, Tổ 1, ấp Trung, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

3.4. Ông Mã Quốc E, sinh năm 1978.

3.5. Bà Đặng Thị F, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp Bắc, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

3.6. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1963.

3.7. Bà Mã Thị Thảo H, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Số 196 Tỉnh lộ 830, ấp Trung, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

(Bà G, bà Thu C, bà Lệ C, bà Thảo H có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên toà; riêng ông B vắng mặt lúc tuyên án,)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2019 của nguyên đơn Nguyễn Thị A, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà, bà Nguyễn Thị G là người đại diện theo uỷ quyền của bà A trình bày: Bà Nguyễn Thị A và ông Mã Văn Long (chết vào ngày 26/9/2018) là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông Long, bà A có tạo lập được một số tài sản gồm:

+ Thửa đất số 3492, tờ bản đồ số 04, diện tích 430m^2, loại đất lúa, tọa lạc tại xã X, huyện Y, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 142352, số vào sổ số 01667 QSDĐ do UBND huyện Y cấp ngày 17/01/2004.

+ Thửa đất số 926, tờ bản đồ số 04, diện tích 334m^2, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã X, huyện Y, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 023841, số vào sổ H 00036/CNQSDĐ do UBND huyện Y cấp ngày 19/12/2004.

+ Thửa đất số 277, tờ bản đồ số 04, diện tích 2662m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Bắc. xã X, huyện Y, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 804661, số vào số H 1805 do UBND huyện Y cấp ngày 02/05/2009.

+ Thửa đất số 5, tờ bản đồ số 3, diện tích 5.416m^2, loại đất lúa; thửa số 7, tờ bản đồ số 3, diện tích 5.530m^2; thửa đất số 278, tờ bản đồ số 4, diện tích 196m^2, loại đất thổ; thửa đất số 279, tờ bản đồ số 4, diện tích 728m^2, loại đất vườn và thửa đất số 445, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.305m^2, loại đất lúa cùng tọa lạc tại xã X, huyện Y, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 564310, số vào sổ số 1857 QSDD/0512-LA do UBND huyện Y cấp ngày 08/12/2000.

Trước khi chết, ông Mã Văn Long không lập di chúc để lại phần tải sản thuộc phần sử dụng của mình cho bất cứ ai.

Bà A và ông Long có 07 người con gồm: Mã Quốc Việt, Nguyễn Thị Vàng, Mã Thị Lệ Thủy, Mã Thị Thu Thủy, Mã Thị Thu Nam, Mã Quốc Thuần, Mã Thị Thảo Hiền.

Sau khi ông Long chết, bà A tiến hành làm thủ tục thỏa thuận phân chia di sản thừa kế cho Việt (là con trai thứ 4) không đồng ý chia phần thừa kế mà ông Long để lại, ông B yêu cầu bà A phải chia toàn bộ thửa đất số 277, 278, 279 cho ông. Việc ông B yêu cầu chia đối với diện tích trên là quá nhiều trong khi còn 06

người con còn lại thì chưa được phân chia. Do đó, giữa bà A và ông B sau nhiều lần tranh cãi vẫn không thống nhất được việc phân chia di sản thừa kế.

Chính vì vậy, nay bà A yêu cầu Toà án xem xét giải quyết chia 1/2 tài sản chung giữa bà A và ông Long gồm các quyền sử dụng đất sau:

+ Thửa đất số 3492, tờ bản đồ số 04, diện tích 430m^2, loại đất lúa, tọa lạc tại xã X, huyện Y, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 142352, số vào số số 01667 QSDĐ do UBND huyện Y cấp ngày 17/01/2004. Bà A yêu cầu nhận quyền sử dụng đất là 215m^2.

Phần diện tích 215m^2 đất còn lại, bà A yêu cầu được phân chia di sản thừa kế của ông Long để lại. Bà A nhận 1/8 kỷ phần theo quy định của pháp luật bằng 26,875m^2.

+ Thửa đất số 926, tờ bản đồ số 04, diện tích 334m^2, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã X, huyện Y, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 023841, số vào số H 00036/CNQSDĐ do UBND huyện Y cấp ngày 19/12/2004. Bà A yêu cầu nhận quyền sử dụng đất là 167m^2.

Phần diện tích 167m^2 đất còn lại, bà A yêu cầu được phân chia di sản thừa kế của ông Long để lại và yêu cầu nhận 1/8 kỷ phần theo quy định của pháp luật bằng 20,875m^2.

+ Thửa đất số 277, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.662m^2, loại đất trồng lúa, tại ấp Bắc, xã X, huyện Y, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 804661, số vào sổ H 1805 do UBND huyện Y cấp ngày 02/05/2009. Bà A yêu cầu nhận quyền sử dụng đất là 1.331m^2.

Phần diện tích 1.331m^2 đất còn lại, bà A yêu cầu được phân chia di sản thừa kế của ông Long để lại và nhận 1/8 kỷ phần theo quy định của pháp luật 166,375m^2.

+ Thửa đất số 5, tờ bản đồ số 3, diện tích 5.416m^2, loại đất lúa; thửa đất số 7, tờ bản đồ số 3, diện tích 5.530m^2, loại đất lúa; thửa đất số 278, tờ bản đồ số 4, diện tích 196m^2, loại đất thổ; thửa đất số 279, tờ bản đồ số 4, diện tích 728m^2, loại đất vườn và thửa đất số 445, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.305m^2, loại đất lúa cùng tọa lạc tại xã X, huyện Y, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 564310, số vào số số 1857 QSDĐ/0512-LA do UBND huyện Y cấp ngày 08/12/2000. Tổng diện tích của 05 thửa đất này là 14.175m^2. Bà A yêu cầu nhận quyền sử dụng đất là 7087,5m^2.

Phần diện tích 7.087,5m^2 đất còn lại, bà A yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Long để lại và bà nhận 1/8 kỷ phần theo quy định của pháp luật 885,9375m^2.

Tổng diện tích đất bà A yêu cầu được nhận là: 9900,5625m^2.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà, bị đơn Mã Quốc Việt trình bày: Các thửa đất có diện tích theo đo đạc thực tế như bà G đại diện bà A trình bày là tài sản chung vợ chồng của bà A và ông Long. Bà A yêu cầu chia tài sản chung ông không có ý kiến. Đối với di sản của Long thì ông yêu cầu được chia, yêu cầu được nhận bằng hiện vật cụ thể thửa 279 có diện tích 534m^2, thửa 278 diện tích 190m^2, một phần thửa 277 có diện tích 1472m^2 vì các thửa đất này

có nhà và vật kiến trúc trên đất. Nếu giá trị tài sản nhận cao hơn kỹ phần được chia theo quy định pháp luật thì ông không đồng ý hoàn lại chênh lệch.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Mã Thị Thảo H, bà Nguyễn Thị G, bà Mã Thị Thu Thuỷ, bà Mã Thị Lệ Thuỷ, ông Mã Quốc E đều có "đơn xin nhận thừa kế" đề ngày 22/9/2022 cùng yêu cầu hưởng thừa kế theo pháp luật.

Tại tờ tường trình đề ngày 13/12/2021 (có hợp pháp hoá lãnh sự) của bà Mã Thị Thu D, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Vang đại diện theo uỷ quyền của bà D trình bày: Bà D là con của bà Nguyễn Thị A và ông Mã Văn Long. Ông Long và bà A có 07 người con như trên. Sau khi ông Long chết thì bà và ông B có tranh chấp với nhau về tài sản của cha, mẹ nên mẹ của bà có làm đơn khởi kiện ông Mã Quốc B để tranh chấp tài sản chung và chia di sản thừa kế thì bà hoàn toàn thống nhất với nội dung về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất của cha, mẹ.

Bà được Toà án xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cùng với các anh, chị, em khác. Theo quy định của pháp luật, cha bà là ông Mã Văn Long chết thì bà cùng các anh, chị, em được hưởng thừa kế tài sản của ông Long để lại. Nếu Toà án xác định chia thừa kế thì kỷ phần của bà được hưởng sẽ giao lại cho mẹ của bà là bà A toàn quyền quyết định và định đoạt. Bà không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên toà các đương sự tranh luận:

- Bà Nguyễn Thị G tranh luận: Yêu cầu chia cho bà Nguyễn Thị A phần đất thuộc thửa số 7, 926, 3492 nêu trên và chia cho bà phần đất thuộc thửa 445; thống nhất giao cho ông B phần đất thuộc thửa 277, 278, 279; giao cho ông E thửa số 5, nếu ai nhận đất vượt quá kỷ phần được hưởng thì yêu cầu hoàn trả lại bằng tiền.

- Ông Mã Quốc B tranh luận: Ông đồng ý nhận thửa 277, 278, 279 và yêu cầu bà A chia cho ông phần đất thuộc thửa 926, 3492, 445 nêu trên; phần vượt quá ông không đồng ý hoàn tiền.

- Bà Mã Thị Thảo H, bà Mã Thị Thu Thuỷ và bà Mã Thị Lệ Thuỷ thống nhất với tranh luận của bà G.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện của Ủy ban nhân dân huyện Cần Đước có đơn xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

Các đương sự đều thống nhất các thửa đất số 3492, tờ bản đồ số 04, loại đất lúa; thửa đất số 926, tờ bản đồ số 04, loại đất ở nông thôn; thửa đất số 277, tờ bản đồ số 04, loại đất trồng lúa; thửa đất số 5, tờ bản đồ số 3, loại đất lúa; thửa đất số 7, tờ bản đồ số 3, loại đất lúa; thửa đất số 278, tờ bản đồ số 4, loại đất thổ; thửa

đất số 279, tờ bản đồ số 4, loại đất vườn và thửa đất số 445, tờ bản đồ số 4, loại đất lúa, cùng tọa lạc tại xã X, huyện Y, tỉnh Long An là tài sản chung của ông Mã Văn Long và bà Nguyễn Thị A. Theo quy định tại Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình thì tài sản chung của ông Long, bà A bao gồm các thửa đất nêu trên được chia đôi: 1/2 giá trị trong khối tài sản chung là của bà A, 1/2 giá trị tài sản chung còn lại là di sản của ông Long sẽ được chia cho các đồng thừa kế.

Các đương sự đều thừa nhận ông Long, bà A có 7 người con, ngoài ra không có con đẻ, con nuôi nào khác. Ông Long không để lại di chúc nên di sản của ông Long được phân chia thừa kế theo pháp luật, theo đó hàng thừa kế thứ nhất của ông Long bao gồm 08 người là: bà Nguyễn Thị A (vợ ông Long) và 07 người con là ông Mã Quốc B, bà Mã Thị Lệ C, bà Mã Thị Thu C, bà Mã Thị Thảo H, ông Mã Quốc E, bà Nguyễn Thị G, bà Mã Thị Thu D.

Tại phiên tòa các đương sự thống nhất như sau: Ông B được nhận các thửa đất số 277, 278, 279. Bà A được nhận các thửa đất số 926, 3492, 07. Ông E được nhận thửa đất số 05.

Bà G yêu cầu được nhận thửa đất số 445, ông B cho là thửa đất số 445 là lối đi vào nhà của ông nên yêu cầu được nhận thửa đất số 445. Xét thấy ông B đã được nhận các thửa đất số 277, 278, 279 nên để bà G được nhận thửa đất số 445 là phù hợp.

Các người con khác là bà Lệ C, bà Thu C, bà Thảo Hiền yêu cầu được nhận kỷ phần bằng tiền. Bà Thu Nam tự nguyện giao lại kỷ phần mà bà được hưởng cho bà A toàn quyền định đoạt.

Những người được nhận đất có giá trị cao hơn kỷ phần được hưởng phải hoàn lại giá trị chênh lệch bằng tiền cho những người không nhận đất và nhận đất nhưng chưa đủ giá trị kỷ phần được hưởng.

Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như nêu trên.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện, đơn xin nhận thừa kế, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất, trích đo bản đồ địa chính, đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chứng thư thẩm định giá, giấy uỷ quyền, tờ tường trình, bản tự khai, trích lục khai sinh, giấy khai sinh, giấy chứng nhận kết hôn, trích lục khai tử, đơn xin miễn, giảm án phí, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, biên bản hòa giải, mảnh trích đo địa chính và tài liệu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bà Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu phân chia thừa kế đối với ông Mã Quốc B; bà Mã Thị Thảo H, bà Nguyễn Thị G, bà Mã Thị Thu Thuỷ, bà Mã Thị

Lệ Thuỷ cũng yêu cầu phân chia thừa kế đối với các thửa đất số thửa đất số 3492, 926, 277, 278, 279, 445, tờ bản đồ số 04 và thửa đất số 5, 7, tờ bản đồ số 3, cùng tọa lạc tại xã X, huyện Y, tỉnh Long An; đồng thời có đương sự Mã Thị Thu Nam đang định cư ở nước ngoài nên căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Long An có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.2] Ông Mã Quốc E và bà Đặng Thị F có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông E, bà F.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, các đương sự thống nhất các nội dung sau:

- Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01/2004 thì ông Mã Văn Long và bà Nguyễn Thị A là vợ chồng hợp pháp.

- Theo Trích lục khai tử số 565/TLKT-BS ngày 03/10/2018 thì ông Mã Văn Long chết ngày 26/9/2018.

- Bà A và ông Long có 07 người con gồm Mã Quốc Việt, Nguyễn Thị Vàng, Mã Thị Lệ Thủy, Mã Thị Thu Thủy, Mã Thị Thu Nam, Mã Quốc Thuần, Mã Thị Thảo Hiền. Ngoài ra, bà A và ông Long không còn người con ruột hoặc người con nuôi nào khác; cha mẹ của ông Long đều chết trước ông Long.

- Chứng thư thẩm định giá ngày 14/5/2021 của Công ty TNHH thẩm định giá Thịnh Việt, không ai yêu cầu định giá lại mặc dù giá được xác định đã hơn 06 tháng kể từ ngày thẩm định giá.

- Mảnh trích đo địa chính số 636-2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 19/11/2020, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Y phê duyệt ngày 27/11/2020.

- Phần tài sản chung của ông Mã Văn Long và bà Nguyễn Thị A bao gồm các thửa đất toạ lạc tại xã X, huyện Y, tỉnh Long An như sau:

+ Thửa đất số 277, tờ bản đồ số 4, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 804661 ngày 21/5/2009 do Uỷ ban nhân dân huyện Y cấp cho ông Mã Văn Long đứng tên gồm khu F diện tích 2.472m^2 có giá 1.483.200.000 đồng và khu G diện tích 178m^2 do ông Nguyễn Phước Hoàng đang quản lý, sử dụng, các bên không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Thửa đất số 926, tờ bản đồ số 4, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 023841 ngày 19/12/2004 do Uỷ ban nhân dân huyện Y cấp cho ông Mã Văn Long đứng tên gồm khu A diện tích 290m^2 có giá 5.220.000.000 đồng.

+ Thửa đất số 3492, tờ bản đồ số 4, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 142352 ngày 17/01/2004 do Uỷ ban nhân dân huyện Y cấp cho ông Mã Văn Long đứng tên gồm khu B diện tích 448m^2 có giá 2.016.000.000 đồng.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 564310 ngày 08/12/2000 do UBND huyện Y cấp ngày 08/12/2000 cấp cho ông Mã Văn Long đứng tên đối với thửa đất số 5 gồm khu A diện tích 60m^2, khu C diện tích 498m^2, khu D diện

tích 451m^2 (các đương sự không tranh chấp khu A, C, D) và khu B diện tích 4.586m^2 có giá 2.522.300.000 đồng; thửa đất số 7 gồm khu A diện tích 392m^2, khu C diện tích 258m^2, khu D diện tích 25m^2 (các đương sự không tranh chấp khu A, C, D) và khu B diện tích 4.921m^2 có giá 2.706.550.000 đồng; thửa đất số 278 gồm khu E diện tích 190m^2 có giá 475.000.000 đồng; thửa đất số 279 gồm khu C diện tích 183m^2 (các bên không tranh chấp) và khu D diện tích 534m^2 có giá 320.400.000 đồng; thửa đất số 445 gồm khu A diện tích 2.272m^2 có giá 1.363.200.000 đồng và khu B diện tích 40m^2 có giá 24.000.000 đồng.

Đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

[3.2] Tại phiên toà các bên thống nhất phân chia như sau:

- Giao cho ông Mã Quốc B quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai phần đất thuộc thửa số 277, 278, 279 nêu trên.

- Giao cho ông Mã Quốc E quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai phần đất thuộc thửa số 5 nêu trên.

- Giao cho bà Nguyễn Thị A quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai phần đất thuộc thửa số 7 nêu trên.

Đây là sự thoả thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với thực tế các bên sử dụng đất (mặc dù ông E vắng mặt tại phiên toà) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Tại phiên toà ông B không đồng ý giao cho bà A quyền sử dụng phần đất thuộc thửa 926 và 3492 nêu trên là không có cơ sở. Bởi lẽ, thực tế bà A sử dụng 2 thửa đất này từ trước đến nay, ông B cùng những người thừa kế khác không sử dụng, đồng thời những người thừa kế khác (trừ ông E vắng mặt) thống nhất giao cho bà A sử dụng 2 thửa đất trên. Mặt khác, phần tài sản bà A hưởng có giá trị cao hơn nhiều so với kỷ phần của ông B nên việc ông B yêu cầu được nhận phần đất thuộc thửa 926, 3492 là không phù hợp với thực tế.

[3.4] Đối với phần đất thuộc thửa 445 hiện do ông B sử dụng nhưng là đất trống, không có vật kiến trúc; ông B yêu cầu được nhận nhưng ông B đã được nhận thửa đất số 277, 278, 279 như thoả thuận nêu trên, trong khi bà G không có đất sử dụng; đồng thời bà Thu Thuỷ, bà Lệ Thuỷ, bà Thảo Hiền thống nhất giao cho bà G là phù hợp với thực tế. Do đó, cần buộc ông B giao cho bà G phần đất thuộc thửa số 445 nêu trên.

[3.5] Những người thừa kế khác thực tế không có nhu cầu sử dụng đất sẽ được nhận kỷ phần bằng tiền từ những người nhận hiện vật là quyền sử dụng đất.

[3.6] Tổng giá trị tài sản chung của ông Long và bà A: 1.483.200.000 đồng + 5.220.000.000 đồng + 2.016.000.000 đồng + 2.522.300.000 đồng + 2.706.550.000 đồng + 475.000.000 đồng + 320.400.000 đồng + 1.363.200.000 đồng + 24.000.000 đồng = 16.130.650.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị A được hưởng ½ bằng 16.130.650.000 đồng/2 = 8.065.325.000 đồng. Mỗi người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Long được hưởng 8.065.325.000 đồng/8 = 1.008.165.625 đồng.

Như vậy, về giá trị, bà Nguyễn Thị A được hưởng bằng quyền sử dụng đất có giá trị 9.073.490.625 (8.065.325.000 đồng + 1.008.165.625 đồng) và Mã Quốc Việt, Nguyễn Thị Vàng, Mã Thị Lệ Thủy, Mã Thị Thu Thủy, Mã Thị Thu Nam, Mã Quốc Thuần, Mã Thị Thảo Hiền mỗi người được hưởng 1.008.165.625 đồng.

[3.7] Phần đất bà Nguyễn Thị A, ông Mã Quốc B, ông Mã Quốc E và bà Nguyễn Thị G nhận như nhận định ở trên có giá trị như sau:

- Bà Nguyễn Thị A nhận thửa đất số 926 gồm khu A diện tích 290m^2 có giá 5.220.000.000 đồng + thửa đất số 3492 gồm khu B diện tích 448m^2 có giá 2.016.000.000 đồng + thửa đất số 7 gồm khu B diện tích 4.921m^2 có giá 2.706.550.000 đồng = 9.942.550.000 đồng.

- Ông Mã Quốc B nhận thửa đất số 277 gồm khu F diện tích 2.472m^2 có giá 1.483.200.000 đồng + thửa đất số 278 gồm khu E diện tích 190m^2 có giá 475.000.000 đồng + thửa đất số 279 gồm khu D diện tích 534m^2 có giá 320.400.000 đồng = 2.278.600.000 đồng.

- Ông Mã Quốc E nhận thửa đất số 5 gồm khu B diện tích 4.586m^2 có giá 2.522.300.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị G nhận thửa đất số 445 gồm khu A diện tích 2.272m^2 có giá 1.363.200.000 đồng và khu B diện tích 40m^2 có giá 24.000.000 đồng = 1.387.200.000 đồng.

Vì vậy, cần buộc bà Nguyễn Thị A, ông Mã Quốc B, ông Mã Quốc E và bà Nguyễn Thị G giao lại kỷ phần bằng tiền cho bà Mã Thị Lệ C, bà Mã Thị Thu C, bà Mã Thị Thu D, bà Mã Thị Thảo H như sau:

+ Ông Mã Quốc B giao cho bà Mã Thị Thảo H số tiền 1.008.165.625 đồng và giao cho bà Mã Thị Thu D số tiền 262.268.750 đồng.

+ Ông Mã Quốc E giao cho bà Mã Thị Lệ C số tiền 1.008.165.625 đồng và giao cho bà Mã Thị Thu D số tiền 505.968.750 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị G giao cho bà bà Mã Thị Thu D số tiền 239.928.125 đồng và giao cho bà Mã Thị Thu Thuỷ số tiền 139.106.250 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị A giao cho bà bà Mã Thị Thu Thuỷ số tiền 869.059.375 đồng.

Tại tờ tường trình ngày 13/12/2021, bà Mã Thị Thu D đã thể hiện ý kiến giao toàn bộ kỷ phần được hưởng như trên cho bà Nguyễn Thị A toàn quyền định đoạt nên giá trị kỷ phần bằng tiền như tính toán nêu trên của bà D sẽ do bà A sở hữu.

[3.8] Các đương sự không tranh chấp tài sản trên đất, không yêu cầu tính công sức đóng góp và cũng không tranh chấp các phần đất tại "vị trí không tranh chấp" theo theo 03 Mảnh trích đo địa chính số 636-2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 19/11/2020, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Y phê duyệt ngày 27/11/2020 nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về chi phí tố tụng: Các đương sự đều phải chịu tương ứng với giá trị kỷ phần được hưởng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà A là người tạm

ứng phần lớn và ông B chỉ tạm ứng 10.000.000 đồng; đồng thời bà A tự nguyện chịu nên không buộc các đương sự hoàn trả cho nhau.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị A đã trên 60 tuổi là người cao tuổi nên được miễn; các đương sự còn lại phải chịu theo tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 39, 147, 157, 158, 165, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 623, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5, 17, 95, 99, 100, 166, 170, 186, 188, 191 Luật Đất đai năm 2013; Điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp thừa kế của bà Nguyễn Thị A.

[2] Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Mã Thị Thảo H, bà Nguyễn Thị G, bà Mã Thị Thu C, ông Mã Quốc E và bà Mã Thị Lệ Thuỷ.

[3] Chia thừa kế như sau:

[3.1] Bà Nguyễn Thị A có quyền sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai đối với:

- Thửa đất số 926, tờ bản đồ số 4, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 023841 ngày 19/12/2004 do Uỷ ban nhân dân huyện Y cấp cho ông Mã Văn Long đứng tên gồm khu A diện tích 290m^2.

- Thửa đất số 3492, tờ bản đồ số 4, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 142352 ngày 17/01/2004 do Uỷ ban nhân dân huyện Y cấp cho ông Mã Văn Long đứng tên gồm khu B diện tích 448m^2.

- Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 3, gồm khu B diện tích 4.921m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 564310 ngày 08/12/2000 do UBND huyện Y cấp ngày 08/12/2000 cấp cho ông Mã Văn Long đứng tên.

[3.2] Ông Mã Quốc B có quyền sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai đối với:

- Thửa đất số 277, tờ bản đồ số 4, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 804661 ngày 21/5/2009 do Uỷ ban nhân dân huyện Y cấp cho ông Mã Văn Long đứng tên gồm khu F diện tích 2.472m^2.

- Thửa đất số 278, tờ bản đồ số 4, gồm khu E diện tích 190m^2 và thửa đất số 279, tờ bản đồ số 4, gồm khu D diện tích 534m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 564310 ngày 08/12/2000 do UBND huyện Y cấp ngày 08/12/2000 cấp cho ông Mã Văn Long đứng tên.

[3.3] Bà Nguyễn Thị G có quyền sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai đối với thửa đất số 445, tờ bản đồ số 4, gồm khu A diện tích 2.272m^2 và khu

B diện tích 40m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 564310 ngày 08/12/2000 do UBND huyện Y cấp ngày 08/12/2000 cấp cho ông Mã Văn Long đứng tên.

[3.4] Ông Mã Quốc E có quyền sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai đối với thửa đất số 5 gồm khu B diện tích 4.586m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 564310 ngày 08/12/2000 do UBND huyện Y cấp ngày 08/12/2000 cấp cho ông Mã Văn Long đứng tên.

Người được thi hành án và người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Buộc ông Mã Quốc B giao lại cho bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Thị G phần đất mà bà A và bà G được hưởng.

Các phần đất nêu trên có vị trí, tứ cận theo 03 Mảnh trích đo địa chính số 636-2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 19/11/2020, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Y phê duyệt ngày 27/11/2020.

[3.5] Buộc ông Mã Quốc B giao cho bà Mã Thị Thảo H số tiền 1.008.165.625 đồng và giao cho bà Mã Thị Thu D số tiền 262.268.750 đồng.

[3.6] Buộc ông Mã Quốc E giao cho bà Mã Thị Lệ C số tiền 1.008.165.625 đồng và giao cho bà Mã Thị Thu D số tiền 505.968.750 đồng.

[3.7] Buộc bà Nguyễn Thị G giao cho bà bà Mã Thị Thu D số tiền 239.928.125 đồng và giao cho bà Mã Thị Thu Thuỷ số tiền 139.106.250 đồng.

[3.8] Buộc bà Nguyễn Thị A giao cho bà bà Mã Thị Thu Thuỷ số tiền 869.059.375 đồng.

Toàn bộ số tiền mà các đương sự phải giao cho bà Mã Thị Thu D nêu trên sẽ do bà Nguyễn Thị A trực tiếp nhận và sở hữu theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về chi phí tố tụng:

[4.1] Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị A chịu 89.000.000 đồng (đã nộp xong).

[4.2] Buộc ông Mã Quốc B phải chịu 10.000.000 đồng (đã nộp xong).

[4.2] Buộc bà Nguyễn Thị G phải chịu 1.750.000 đồng (đã nộp xong).

[5] Về án phí:

[5.1] Miễn toàn bộ cho bà Nguyễn Thị A.

[5.2] Buộc ông Mã Quốc B, bà Nguyễn Thị G, bà Mã Thị Lệ C, bà Mã Thị Thu C, bà Mã Thị Thu D, ông Mã Quốc E và bà Mã Thị Thảo H mỗi người phải chịu 42.244.969 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà G tạm nộp 21.090.000 đồng theo biên lai thu số 0001078, bà H tạm nộp 21.090.000 đồng theo biên lai thu số 0001077, ông E tạm nộp 21.090.000 đồng theo biên lai thu số 0001076, bà Thu Nam tạm nộp 21.090.000 đồng theo biên lai thu số 0001075, bà Thu Thuỷ tạm nộp 21.090.000 đồng theo biên lai thu số 0001074, bà Lệ Thuỷ tạm nộp 21.090.000 đồng theo biên lai thu số 00010783. Bà G, bà H, ông E, bà Thu Nam, bà Thu Thuỷ, bà Lệ Thuỷ mỗi người còn nộp thêm số tiền 21.154.969 đồng.

[6] Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại phiên tòa và kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cảnh